

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/KDTM

Ngày: 25/10/2019

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Lâm.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Diện; Ông Phan Tùng Long.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy.

Đại diện VKSND huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 9; 15 và 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh, Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc: "**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST-DS ngày 18/7/2019 và các quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-DS ngày 12/8/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-DS ngày 30/8/2019, quyết định tạm dừng phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 26/9/2019, quyết định tạm dừng phiên tòa số 04/2019/QĐST-DS ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V**

Địa chỉ: Số xx L, phường L1, quận Đ, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền thường xuyên: Ông Phạm Tuấn A

Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân Q- Sinh năm: 1993 (Có mặt)

Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Bị đơn: Chị Chị Nguyễn Thị P - Sinh ngày: 10/7/1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện L2, tỉnh H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2019; bản tự khai ngày 09/5/2019 và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Phạm Thái T, ông Hà Xuân Q) trình bày: Ngày 28/11/2016, chị Nguyễn Thị P vay của Ngân hàng TMCP V- Khối tín dụng tiểu thương CN, H3, phường N, quận x, thành phố H1 theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn (Số LDxxxxxxxxxx) với tổng số tiền 52.500.000đ (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) để sử dụng vào mục đích tiêu dùng. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất 42%/năm, hạn vay 24 tháng kể từ ngày 28/11/2016. Đến nay hợp đồng tín dụng đã quá hạn, mặc dù của Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở chị P trả nợ, tuy nhiên chị P không thực hiện việc trả nợ theo cam kết. Do đó của Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà giải quyết buộc chị Nguyễn Thị P phải trả toàn bộ số nợ gốc 34.889.094 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 26/9/2019 là 45.990.160đ, tổng cộng 80.879.254đ và tiếp tục tính lãi đến khi khách hàng thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Nguyễn Thị P không đến làm việc theo thông báo, quyết định đã được tổng đạt mà không có lý do.

Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn (Số LDxxxxxxxxxx), ngày 28/11/2016 thể hiện: Bên cho vay: Ngân hàng TMCP V- Khối tín dụng tiểu thương CN, H3, phường N, quận x, thành phố H1; bên vay: Chị Nguyễn Thị P; số tiền cho vay 52.500.000đ (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng); mục đích sử dụng tiền vay: sản xuất Hương; mức lãi suất thỏa thuận 42%/năm; hạn trả nợ cuối cùng là 24 tháng kể từ ngày 28/11/2016.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện vụ án dân sự sang khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà đề nghị HĐXX áp dụng điều 463, khoản 1, khoản 5 điều 466; điều 468; khoản 2 điều 470 BLDS; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 5, khoản 9 điều 2; điểm c khoản 4 điều 13; khoản 1 điều 18 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng; khoản 1 điều 30; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 và điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1, khoản 2 điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC đề nghị HĐXX Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn. Buộc bị đơn Nguyễn Thị P phải trả toàn bộ cả nợ và gốc cho Ngân hàng TMCP V theo Khế vay đã xác lập và mức lãi suất theo quy định, kể cả lãi quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Nguyễn Thị P vẫn vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Do đó HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị P là phù hợp.

Mục đích sử dụng vốn vay thỏa thuận tại Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn (Số LDxxxxxxxxxx), ngày 28/11/2016 giữa Ngân hàng TMCP V- Khối tín dụng tiểu thương CN, H3, phường N, quận x, thành phố H1 và chị Nguyễn Thị P là sản xuất Hương. Theo quy định tại khoản 5 điều 2 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng đây là cho vay vốn phục vụ hoạt động khác, được gọi là hoạt động kinh doanh. Việc Tòa án căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xác định quan hệ tranh chấp dân sự và thụ lý vụ án dân sự là chưa phù hợp với bản chất tranh chấp. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện vụ án dân sự sang khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại. Căn cứ khoản 1 điều 30 BLTTDS, HĐXX xác định tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP V và chị Nguyễn Thị P là quan hệ tranh chấp về kinh doanh thương mại, do đó HĐXX ra bản án kinh doanh thương mại là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn (Số LDxxxxxxxxxx), ngày 28/11/2016 thể hiện Ngân hàng TMCP V- Khối tín dụng tiểu thương CN, H3, phường N, quận x, thành phố H1 cho chị Nguyễn Thị P vay số tiền 52.500.000đ (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc với mục đích sử dụng sản xuất Hương; mức lãi suất thỏa thuận 42%/năm; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 28/11/2018. Như vậy giữa chị Nguyễn Thị P và Ngân hàng TMCP V đã thiết lập quan hệ hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Do đó HĐXX đã đủ chứng cứ để khẳng định việc Nguyễn Thị P vay số tiền 52.500.000đ (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc của Ngân hàng TMCP V, theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ

ngân hàng điện tử và vay vốn (Số LDxxxxxxxxx), ngày 28/11/2016 là đúng thực tế. Hiện nay chị Nguyễn Thị P mới thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V số tiền 17.610.906đ (Mười bảy triệu sáu trăm mười nghìn chín trăm linh sáu đồng) tiền gốc, còn lại 34.889.094đ (Ba mươi tư triệu tám trăm tám mươi chín nghìn không trăm chín mươi tư đồng) tiền gốc đã quá hạn thanh toán. Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần đòi nợ nhưng chị Nguyễn Thị P vẫn không chịu trả. Do đó Ngân hàng TMCP V khởi kiện vụ án tại Tòa án là hoàn toàn đúng quy định của Pháp luật. HĐXX xét thấy yêu cầu của Ngân hàng TMCP V phù hợp với hồ sơ vay vốn, do đó chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V và áp dụng điều 463; khoản 1 điều 466; khoản 2 điều 470 BLDS buộc chị Nguyễn Thị P phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP V 34.889.094đ (Ba mươi tư triệu tám trăm tám mươi chín nghìn không trăm chín mươi tư đồng) tiền gốc là phù hợp.

Đối với yêu cầu của Nguyên đơn về khoản tiền lãi:

- *Đối với tiền gốc chịu lãi:* Khoản vay 52.500.000đ (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc của Ngân hàng TMCP V- Khối tín dụng tiểu thương CN, H3, phường N, quận x, thành phố H1, theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn (Số LDxxxxxxxxx), ngày 28/11/2016 mới được chị Nguyễn Thị P thanh toán 17.610.906đ (Mười bảy triệu sáu trăm mười nghìn chín trăm linh sáu đồng) tiền gốc. Do đó số tiền gốc chị Nguyễn Thị P phải chịu lãi là: $52.500.000đ - 17.610.906đ = 34.889.094đ$ (Ba mươi tư triệu tám trăm tám mươi chín nghìn không trăm chín mươi tư đồng).

- *Đối với mức lãi suất:* Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn (Số LDxxxxxxxxx), ngày 28/11/2016 các bên đã thỏa thuận mức lãi suất nợ trong hạn là 42%/năm, không thỏa thuận mức lãi suất nợ quá hạn. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền Ngân hàng TMCP V yêu cầu mức lãi suất mức lãi suất nợ trong hạn là 42%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% mức lãi suất mức lãi suất nợ trong hạn tính từ ngày 01/10/2017. HĐXX xét thấy mức lãi suất nợ trong hạn các bên thỏa thuận mặc dù cao hơn mức lãi suất giới hạn được quy định tại điều 468 BLDS nhưng phù hợp với quy định tại điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 5 điều 466 BLDS do đó được chấp nhận. Đối với mức lãi suất nợ quá hạn, mặc dù các bên không thỏa thuận nhưng khi khoản vay bị chuyển nợ quá hạn thì bên vay nợ phải trả lãi nợ quá hạn theo quy định tại điểm c khoản 4 điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng. Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng TMCP V

yêu cầu mức lãi suất mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất mức lãi suất nợ trong hạn là phù hợp khoản 5 điều 466 BLDS, do đó được chấp nhận.

- *Đối với thời gian chịu lãi:* Chị Nguyễn Thị P vay nợ vào ngày 28/11/2016, đã thanh toán tiền lãi hết ngày 30/9/2017. Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng TMCP V yêu cầu thời gian chịu lãi suất nợ quá hạn tính từ ngày 01/10/2017. HĐXX xét thấy tại Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn (Số LD1633300494), ngày 28/11/2016 các bên đã thỏa thuận kỳ hạn trả nợ từng lần, số tiền gốc và lãi tối thiểu mỗi kỳ 4.000.000đ (gốc 2.5000.000đ, lãi 1.500.000đ), tuy nhiên kỳ hạn trả nợ không xác định rõ thời gian theo quy định tại khoản 9 điều 2; khoản 1 điều 18 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng. Mặc dù trước đây chị Nguyễn Thị P đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ hàng tháng nhưng đó là do tự nguyện, không có ràng buộc nghĩa vụ trong hợp đồng đối với kỳ hạn trả nợ. Do đó, căn cứ điều 20 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, HĐXX chấp nhận thời gian tính lãi nợ trong hạn từ ngày 01/10/2017 đến ngày 27/11/2018 là 423 ngày và lãi nợ quá hạn từ ngày 28/11/2018 đến ngày 25/10/2019 là 332 ngày.

Tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn được xác định cụ thể như sau:

Lãi trong hạn: Tính từ ngày 01/10/2017 đến tháng 27/11/2018:								
34.889.094đ	x	42%	:	365 ngày	x	423 ngày	=	16.981.908đ
Lãi quá hạn: Tính từ ngày 28/11/2018 đến ngày 15/10/2019:								
34.889.094đ	x	42% x 150%	:	365 ngày	x	332 ngày	=	19.992.884đ
Tổng cộng: 36.974.792đ (Ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng).								

Đối với khoản phạt lãi chậm trả, Ngân hàng TMCP V không yêu cầu, do đó HĐXX miễn xét.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất 63%/năm (42%/năm x 150%) và phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 168 BLDS.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí KDTMT sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 463, khoản 1, khoản 5 điều 466; điều 468; khoản 2 điều 470 BLDS; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 5, khoản 9 điều 2; điểm c khoản 4 điều 13; khoản 1 điều 18 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng; khoản 1 điều 30; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 và điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1, khoản 2 điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH và danh mục mức án phí, lệ phí toà án ban hành kèm theo, tuyên xử:

- **Về thủ tục tố tụng:** Xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị P.

- **Về nội dung vụ án:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc chị Nguyễn Thị P phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP V **34.889.094đ** (Ba mươi tư triệu tám trăm tám mươi chín nghìn không trăm chín mươi tư đồng) tiền gốc; **16.981.908đ** đ (Mười sáu triệu chín trăm tám một nghìn chín trăm linh tám đồng) tiền lãi trong hạn và **19.992.884đ** (Mười chín triệu chín trăm chín mươi hai nghìn tám trăm tám mươi tư đồng) tiền lãi quá hạn. Tổng cộng tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn: **36.974.792đ** (Ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất 63%/năm (42%/năm x 150%) và phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 168 BLDS. Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị P phải nộp: 3.590.000đ (Ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền **1.700.000đ** (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Hà theo biên lai thu tiền số 0002910 ngày 16/4/2019.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh để xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- Phòng Nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND Lộc Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Lộc Hà;
- UBND xã M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu văn phòng TA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Lâm